

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH D**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 194/2019/HS-PT

Ngày: 10-12-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH D

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Văn Chum.

- *Các Thẩm phán:* Ông Trương Văn Lộc;

Ông Bùi Ngọc Thạch.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình D.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình D tham gia phiên tòa* Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình D mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 201/2019/TLPT-HS ngày 08 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo Trần Văn Th và đồng phạm. Do có kháng cáo của bị cáo Trần Văn Th đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2019/HS-ST ngày 01 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình D.

- *Bị cáo có kháng cáo:* **Trần Văn Th**, sinh năm 1987, tại: Tỉnh Bình D; hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã H, huyện D, tỉnh Bình D; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965; vợ tên Trần Thị B, sinh năm 1988; bị cáo có 02 con (lớn sinh năm 2009 và nhỏ sinh năm 2013); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 12/4/2019; trả tự do ngày 21/4/2019. Bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện D áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 08/8/2019, có mặt.

- *Bị hại:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một Th viên nội thất gỗ P. Địa chỉ: Thửa đất số 70, tờ bản đồ số 31, ấp C, xã A, huyện D, tỉnh Bình D. Người đại diện theo pháp luật: Ông M – chức danh: Tổng giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của Ông M: Ông Nguyễn Hiếu T, sinh năm 1988; chức vụ: Chủ tịch Công đoàn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một Th viên nội thất gỗ P (theo văn bản ủy quyền ngày 10/12/2019), có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 05 bị cáo và 05 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Hường D, Trần Văn Th, Hà Văn C, Phan Q, Trần Văn L cùng làm việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một Th viên nội thất gỗ P (Công ty P) có trụ sở tại ấp C, xã A, huyện D, tỉnh Bình D. Trong thời gian làm việc, Q nảy sinh ý định trộm cắp gỗ ván nguyên liệu tại Công ty P để bán lấy tiền tiêu xài nên rủ D, Th, L cùng tham gia lấy trộm gỗ ván nguyên liệu, D, Th, L đồng ý. Sau đó, Th rủ C cùng tham gia, C đồng ý. Khoảng tháng 02/2019, Q điện thoại cho bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1984, cư trú tại khu phố S, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình D (là bạn làm chung Công ty P trước đây) hỏi H có biết ai thu mua gỗ ván thanh lý hay không thì H cho Q số điện thoại của Lương Viết M để Q tự liên hệ.

Khoảng 07 giờ 00 ngày 08/4/2019, khi biết có 06 container chở mặt hàng gỗ ván nhập vào Công ty P (trong đó có xe ô tô đầu kéo biển số: 51C- A1, kéo container do L điều khiển), Q gặp D, Th, C và L để bàn bạc thống nhất việc lấy trộm gỗ ván. Khoảng 09 giờ 00 phút cùng ngày, tại bãi xe container của Công ty P cho nhập 06 container chở gỗ ván ép MDF vào kho nguyên liệu xưởng số 10, (trong đó có xe ô tô đầu kéo biển số 51C-A1, kéo theo somi romoóc, biển số 51R-A2 chở container có 12 kiện hàng gỗ ván ép MDF, kích thước 1,220m x 2,440m x 15mm do L điều khiển), khi kiểm tra D chỉ mở cửa thùng bấm seal niêm phong, chụp ảnh xong rồi đóng cửa thùng lại mà không chuyển hàng xuống. Nhập hàng xong, D kêu chạy xe ra dừng chờ ở gần bàn cân và khi có xe ra thì bấm còi xe báo hiệu cho Th biết. Đến khoảng 09 giờ 45 phút cùng ngày, khi nghe L bấm còi xe báo hiệu thì Th gọi điện thoại báo cho C biết để C đến trạm cân làm 01 phiếu cân giả cho xe biển số: 51C- 69870 do L điều khiển chở 12 kiện hàng gỗ ván ép MDF, kích thước 1,220m x 2,440m x 15mm đem ra ngoài tiêu thụ. Tiếp đó, C đi bộ đến trạm cân, lợi dụng lúc Nguyễn Thị Mỹ V, sinh năm 1992, cư trú tại phường Hả, thị xã Q, tỉnh Q (là nhân viên kế toán, phụ trách nhiệm vụ cân trọng tải xe chở hàng ra vào công ty) có công việc phải đến văn phòng tại công ty và chỉ có một mình C ở tại trạm cân. Nên khi có xe ô tô (không rõ biển số) cân xe và in phiếu cân xong thì C bấm lưu lại phiếu cân này trên máy tính và đăng nhập xe biển số: 51C- A1 do L điều khiển vào phiếu xe vừa cân và máy tính tự động khấu trừ nên thành trọng lượng hàng hóa của xe biển số: 51C-A1, in phiếu cân xong, C mang phiếu đến phòng kế toán của công ty xác nhận ở phiếu cân rồi đưa cho L điều khiển xe ra khỏi cổng công ty và gọi điện thoại báo cho Q biết việc đã lấy trộm được tài sản. Cùng thời điểm này, Phan Q điện thoại cho Lương Viết M hỏi M có mua 12 kiện hàng gỗ ván ép, mỗi kiện có 60 tấm gỗ ván ép, kích thước 1,220m x 2,440m x 15mm hay không thì M đồng ý và thỏa thuận mua với giá tiền: 100.000 đồng/01 tấm gỗ ván ép. Đến khoảng 10 giờ 00 phút cùng ngày, Q đi bộ ra khỏi Công ty P và lên xe ô tô do L điều khiển chạy đến bãi xe G, do Lê Văn G, sinh năm 1978, cư trú tại khu phố A3, phường A4, thị xã T, tỉnh Bình D làm chủ đề giao tài sản trộm cắp được cho M. Khi Q và L đến nơi, M kiểm tra 12 kiện hàng gỗ ván ép, mỗi kiện có 60 tấm gỗ ván ép, kích thước 1,220m x 2,440m x 15mm

tổng cộng có 720 tấm gỗ ván ép x 100.000 đồng/01 tấm = 72.000.000 đồng, biết đây là tài sản do Q trộm cắp có được nhưng M vẫn đồng ý mua và giao tiền cho Q. Số tiền bán được Q chia cho L số 14.000.000 đồng và thuê xe taxi về công ty. Số tiền còn lại sau khi chia cho L, Q giữ 14.500.000 đồng (gồm cả 1.500.000 đồng tiền ăn uống và thuê xe taxi) và đưa cho Th 43.500.000 đồng để chia cho C và D. Tuy nhiên, Th chỉ mới đưa cho D 15.000.000 đồng, số tiền còn lại Th cất giữ, chưa chia cho C thì bị cơ quan điều tra phát hiện, bắt giữ.

Còn M, sau khi mua 12 kiện gỗ ván ép của Q, M nhờ bạn tên Vũ Đức C, sinh năm 1978, cư trú tại 140E/3, khu phố 2, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương tìm người để bán số hàng trên, C đồng ý. Sau đó, C bán 12 kiện hàng này cho Nguyễn Thị T, sinh năm 1990, cư trú tại khu phố P, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương được 100.800.000 đồng, số tiền này C giao lại hết cho M. Còn T, sau khi mua 12 kiện gỗ ván ép từ C, T tiếp tục bán lại Lý A H, sinh năm 1990, cư trú tại khu phố L, phường B, thị xã U, tỉnh Bình Dương 09 kiện gỗ ván ép gồm 540 tấm gỗ ván, với giá tiền 89.100.000 đồng, 03 kiện gỗ ván ép còn lại T giữ lại không bán khi biết đây là tang vật của vụ trộm cắp T đã giao nộp 03 kiện gỗ này. Sau khi mua 09 kiện gỗ ván ép từ T, H đã bán 02 kiện gỗ ván ép gồm 120 tấm gỗ ván cho người khác (không rõ lai lịch) với giá tiền 175.000 đồng/01 tấm, với giá tiền 21.000.000 đồng, 07 kiện gỗ ván ép còn lại H đang giữ thì Cơ quan C sát điều tra Công an huyện D phát hiện và thu giữ.

Ngày 08/4/2019, bà Dương Ngọc H, sinh năm 1976, ngụ tại Phường 2, Thành phố S, tỉnh S là người đại diện hợp pháp của Công ty P phát hiện bị mất trộm tài sản tại công ty nên đã trình báo sự việc đến Cơ quan Công an.

Qua làm việc tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D Phan Q, Võ Hường D, Trần Văn Th, Hà Văn C, Trần Văn L và Lường Viết M đã khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 09/KLĐG ngày 18/4/2019, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện D kết luận: 12 kiện hàng gỗ ván ép MDF trong đó mỗi kiện hàng có 60 tấm ván ép. Tổng cộng số ván ép MDF của 12 kiện là 720 tấm. Mỗi tấm ván MDF có mã hàng (CARDB P2/EPA), với kích thước 15mm x 1200mm x 2400mm. Tính giá trị tại thời điểm mua vào ngày 27/3/2019. Tổng giá trị tài sản bị mất trộm là $5.093.000 \text{ đồng/m}^3 \times 32,15\text{m}^3/12 \text{ kiện} (220 \text{ USD/m}^3) = 163.739.950 \text{ đồng}$.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D đã tạm giữ: của Phan Q 01 điện thoại hiệu Sam Sung có gắn sim số 0971...352; của Trần Văn L 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, nhãn hiệu 1034, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6, màu vàng cát, tiền Việt Nam 17.161.000 đồng của Võ Hường D; tiền Việt Nam 15.000.000 đồng của Trần Văn Th; 01 điện thoại di động hiệu Nokia nhãn hiệu 1133 có gắn các sim số 0988...972, 0985...756 và số tiền 28.500.000 đồng của Hà Văn C; 01 điện thoại di động hiệu Vivo 15, màu xanh D, đen có gắn sim số 0978.097.082 và sim số 0366...502 của Lường Viết M; 01 điện thoại di động hiệu Nokia nhãn hiệu 1030, màu xanh đen trắng có gắn sim số 0982...685 và tiền Việt Nam 28.800.000 đồng của Trần Văn Th.

Quá trình điều tra, ngày 11/4/2019 bà Nguyễn Kiều O, sinh năm 1998, cư trú tại ấp R, xã T, huyện D, tỉnh Bình D (vợ của bị cáo Phan Q) giao nộp 10.000.000 đồng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D. Sau khi bà O biết đây là tiền do Q phạm tội có được.

Đối với xe ô tô, biển số 51C-A1, nhãn hiệu UD TRUCKS, số loại: JPCZM30D; số máy GH11**A2*L, số khung JPCZM30D4FT*, kéo theo somi romoóc, biển số 51R-A2, nhãn hiệu S, số loại 403X457-F, số khung: RM64038XFGB* bị can Trần Văn L sử dụng làm phương tiện phạm tội. Quá trình điều tra xác định: Đây là xe do Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư và Du lịch H, có trụ sở tại số 216 đường, khu phố 2, phường Bình A, Quận A5, Thành phố H. Ngày 08/4/2019, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư và Du lịch H nhận chở thuê hàng hóa từ cảng Cát Lái đến Công ty P vào giao cho Trần Văn L điều khiển xe ô tô, biển số 51C-A1, kéo theo somi romoóc biển số 51R-A2 chở hàng. Sau đó, L sử dụng xe ô tô làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội thì công ty không biết. Ngày 12/4/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã giao trả cho ông Lê Văn L, sinh năm 1976, cư trú tại Phường A6, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là đại diện hợp pháp của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư và Du lịch H.

Đối với 10 kiện hàng gỗ ván ép, mỗi kiện có 60 tấm gỗ ván ép, kích thước 1,220m x 2,440m x 15mm mà Cơ quan Cảnh sát đã thu hồi. Ngày 28/5/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D ra Quyết định xử lý vật chứng giao trả cho bà Dương Ngọc H, sinh năm 1976, cư trú tại số, đường P, Phường 2, Thành phố S, tỉnh S là người đại diện hợp pháp của Công ty P. Bà H đã nhận tài sản và không có yêu cầu gì thêm đối với 10 kiện hàng nêu trên.

Đối với 02 kiện hàng gỗ ván ép, mỗi kiện có 60 tấm gỗ ván ép, kích thước 1,220m x 2,440m x 15mm còn lại. Quá trình điều tra xác định: Do ông Lý A H đã bán lại cho người khác không rõ nhân thân lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D không có căn cứ để điều tra làm việc với người này và thu hồi 02 kiện hàng gỗ ván ép nói trên để xử lý theo quy định.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2019/HS-ST ngày 01 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo Phan Q, Võ Hương D (tên gọi khác Ch), Trần Văn Th, Hà Văn C, Trần Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo Lương Viết M phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Hình phạt:

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Phan Q 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án và được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 12/4/2019 đến ngày 21/4/2019.

Xử phạt bị cáo Trần Văn Th 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án và được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 12/4/2019 đến ngày 21/4/2019.

Xử phạt bị cáo Võ Hương D (tên gọi khác Chín) 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án và được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 12/4/2019 đến ngày 21/4/2019.

Xử phạt bị cáo Hà Văn C 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án và được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 12/4/2019 đến ngày 21/4/2019.

Xử phạt bị cáo Trần Văn L 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/4/2019.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 323; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Lường Viết M 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án và được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 14/4/2019 đến ngày 21/4/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 123, 131, 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015:

- Buộc bị cáo Lường Viết M phải bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T số tiền 79.800.000 đồng (bảy mươi chín triệu tám trăm ngàn đồng). Hiện tại bị cáo Lường Viết M đã tự nguyện nộp số tiền khắc phục bồi thường thiệt hại 7.800.000 đồng (bảy triệu tám trăm ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương theo biên lai thu tiền số AA/2014/0002464 ngày 15/10/2019. Vì vậy, bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho bà Nguyễn Thị T số tiền còn lại là 72.000.000 đồng (bảy mươi hai triệu đồng).

- Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T phải bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý A H số tiền 68.100.000 đồng (sáu mươi tám triệu một trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì còn phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 11/10/2019, bị cáo Trần Văn Th kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt (xin được hưởng án treo).

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Về thời hạn kháng cáo, đơn kháng cáo của bị cáo đúng theo thời hạn luật định, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đưa vụ án ra xem xét theo thủ tục phúc thẩm là đúng thẩm quyền và quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xét xử bị cáo Trần Văn Th về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tại phiên tòa, các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới. Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Về xử lý vật chứng: Đối với các số tiền 14.000.000 đồng thu giữ của Trần Văn L, số tiền thu giữ của các bị cáo Phan Q 10.000.000 đồng (do Nguyễn Kiều O nộp), Trần Văn Th 28.500.000 đồng, Võ Hương D 15.000.000 đồng (Bút lục: 308; 309; 310; 311), tổng số tiền 67.500.000 đồng. Đây là số tiền do bị cáo Lương Viết M trả cho các bị cáo khi mua 12 kiện gỗ, cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tuyên buộc tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước đối với số tiền này là không phù hợp mà cần áp dụng khoản 2 Điều 47 và của Bộ luật Hình sự năm 2015 và điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tuyên trả lại cho bị cáo M tổng số tiền 67.500.000 đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn Th và sửa bản án sơ thẩm về phần xử lý vật chứng.

Tại phiên tòa, bị cáo Th khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm. Trong lời nói sau cùng, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để tại ngoại để có điều kiện chăm sóc gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, lời khai của bị cáo thống nhất với nội dung vụ án đã nêu trên, phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở kết luận: Khoảng 09 giờ ngày 08/4/2019 tại Công ty P, các bị cáo Phan Q, Võ

Hướng D (tên gọi khác C), Trần Văn Th, Hà Văn C, Trần Văn L đã lấy trộm tài sản của Công ty P 12 kiện hàng gỗ ván ép MDF, kích thước 1,220m x 2,440m x 15mm, tổng cộng có 720 tấm gỗ ván ép, sau đó bị cáo Phan Q bán cho bị cáo Lương Viết M với giá 72.000.000 đồng. Số tiền bán được bị cáo Q đã giữ lại 14.500.000 đồng (gồm cả 1.500.000 đồng tiền ăn uống và thuê xe taxi), số tiền còn lại bị cáo Q chia cho bị cáo L 14.000.000 đồng; đưa cho bị cáo Th 43.500.000 đồng để chia cho C và D. Tuy nhiên, Th chỉ mới đưa cho D 15.000.000 đồng, số tiền còn lại Th cất giữ, chưa chia cho C thì bị Cơ quan điều tra Công an huyện D phát hiện, bắt giữ. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 09/KLĐG ngày 18/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: 12 kiện hàng gỗ ván ép MDF trong đó mỗi kiện hàng có 60 tấm ván ép có tổng giá trị 163.739.950 đồng.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản hợp pháp của doanh nghiệp được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. bị cáo nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, thể hiện ý thức xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm mà bị cáo đã thực hiện. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Trần Văn Th xin được hưởng án treo, Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù bị cáo có nhân thân tốt, tuy nhiên hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm, xâm phạm đến quyền tài sản của bị hại, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là không nặng, đã cá thể hóa trách nhiệm hình sự của bị cáo, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo. Đồng thời, việc bị cáo không chấp hành hình phạt tù sẽ gây ảnh hưởng đến công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm tại địa bàn huyện D nói riêng và tỉnh Bình Dương nói chung. Như vậy, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục riêng đối với bị cáo và góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hình phạt tù đối với bị cáo là phù hợp. Kháng cáo của bị cáo về việc xin hưởng án treo là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Quá trình truy tố và xét xử Tòa án cấp sơ thẩm đã có thiếu sót như sau: Đối với các số tiền 14.000.000 đồng thu giữ của Trần Văn L, số tiền thu giữ của các bị cáo Phan Q 10.000.000 đồng (do Nguyễn Kiều O nộp), Trần Văn Th 28.500.000 đồng, Võ Hướng D 15.000.000 đồng (Bút lục: 308; 309; 310; 311), tổng số tiền 67.500.000 đồng. Đây là số tiền do bị cáo Lương Viết M trả cho các bị cáo khi mua 12 kiện gỗ, cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình

sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tuyên buộc tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước đối với số tiền này là không phù hợp mà cần áp dụng khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tuyên buộc các bị cáo trả lại cho bị cáo M tổng số tiền 67.500.000 đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ sửa lại bản án sơ thẩm đối với nội dung có sai sót này.

[6] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

[7] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần Văn Th phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn Th; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2019/HS-ST ngày 01 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình D về phần hình phạt.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Trần Văn Th phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Văn Th 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 12/4/2019 đến ngày 21/4/2019.

2. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2019/HS-ST ngày 01 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a, b, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

+ Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước:

- Bị cáo Phan Q: 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung màu vàng cát, viên điện thoại màu trắng, số IMEI: 357160/08/199110/2.

- Bị cáo Trần Văn L: 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, nhãn hiệu 1034, số IMEI: 358561083015551.

- Bị cáo Trần Văn Th: 01 điện thoại di động hiệu Nokia, model: RM – 1133, màu xanh, số IMEI: 354898081726241.

- Bị cáo Hà Văn C: 01 điện thoại di động hiệu Vivo 15, màu xanh D, đen (trên điện thoại có ghi tên C bằng bút xóa, điện thoại không lên nguồn nên không kiểm tra được số IMEI).

- Bị cáo Lương Viết M: 01 điện thoại di động hiệu Nokia, model: TA-1030, màu xanh đen trắng, số IMEI: 355810098138822; số tiền 21.000.000 đồng (hai mươi một triệu đồng).

+ Trả lại cho bị cáo Trần Văn L: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6, màu vàng cát, số IMEI: 355408078312168; số tiền 3.161.000 đồng (ba triệu một trăm sáu mươi một nghìn đồng).

+ Bị cáo Phan Q trả lại cho bị cáo Lương Viết M số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

+ Bị cáo Trần Văn L trả lại cho bị cáo Lương Viết M số tiền 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng).

+ Bị cáo Trần Văn Th trả lại cho bị cáo Lương Viết M số tiền 28.500.000 đồng (hai mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng).

+ Bị cáo Võ Hường D trả lại cho bị cáo Lương Viết M số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

(Vật chứng hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương đang quản lý theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 09/10/2019 và biên lai thu tiền số AA/2014/0002464 ngày 15/10/2019).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì còn phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Trần Văn Th phải nộp 200.000 đồng.

4. Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- | | |
|-------------------------------------|---|
| - VKSND tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - TAND huyện D; | 2 |
| - VKSND huyện D; | 1 |
| - Chi cục THADS huyện D ; | 1 |
| - Phòng PV06 - Công an tỉnh Bình D; | 1 |
| - Công an huyện D ; | 1 |
| - Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - Bị cáo; | 1 |
| - Bị hại; | 1 |
| - Lưu: Tổ HCTP, HSVA, Tòa HS. | 3 |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đặng Văn Chum